

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 21/2021/DS-ST.

Ngày: 09/4/2021.

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;
2. Ông Nguyễn Thái Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/TLST-DS ngày 11/01/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX ST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trịnh Bằng T**, sinh năm: 1989.

Trú tại: Tổ 4, khu C, thôn N, xã L, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Đoàn Quang T1**, sinh năm: 1980.

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1979.

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông T, ông T1 có mặt, bà Th vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trịnh Bằng T trình bày ý kiến cụ thể như sau: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau nên vợ chồng ông Đoàn Quang T1, bà Nguyễn Thị Th có hỏi vay tiền của ông T. Ngày 21/9/2020 ông T có cho vợ chồng ông T1, bà Th vay số tiền là 302.984.000đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 15 ngày, hai bên có viết giấy vay tiền, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông T1, bà Th. Đến hạn ông T yêu cầu vợ chồng ông T1, bà Th trả nợ nhưng vợ chồng ông T1, bà Th không trả cho ông T số tiền trên.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà buộc vợ chồng ông Đoàn Quang T1, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho ông T số tiền gốc là 302.984.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 04 tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng, cụ thể $302.984.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 4 \text{ tháng} = 19.390.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 322.374.000, đồng. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn vợ chồng ông Đoàn Quang T1 trình bày: Vợ chồng ông T1, bà Th có quen biết với ông T thông qua một người bạn nên ngày 16/4/2020 vợ chồng ông T1, bà Th có vay của ông T số tiền là 600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi vay có viết thành giấy mượn tiền có chữ ký của vợ chồng ông T1, bà Th, lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày nhưng không ghi vào giấy mượn tiền. Đến ngày 21/5/2020 vợ chồng ông T1, bà Th đã trả được cho ông T số tiền gốc là 600.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi. Còn lại số tiền lãi là 80.000.000 đồng vợ chồng ông T1, bà Th chưa có tiền nên xin cho trả dần.

Ngày 21/9/2020 ông T có đến nhà vợ chồng ông T1, bà Th đòi số nợ lãi còn lại nhưng do không có tiền trả nên ông T yêu cầu vợ chồng ông T1, bà Th phải ký vào giấy mượn tiền nhưng không ghi số tiền mượn là bao nhiêu vì ông T nói là để về tính toán lại rồi ghi vào sau. Do tin tưởng ông T và vì vợ chồng ông T1, bà Th vẫn đang nợ tiền ông T nên vợ chồng ông T1, bà Th ký vào giấy mượn tiền do ông T đưa ra. Vợ chồng ông T1, bà Th thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền với ông T ngày 21/9/2020 là chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông T1, bà Th là tự nguyện, không bị ai ép buộc ký và viết vào giấy mượn tiền.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1, bà Th phải trả số tiền gốc là 302.984.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 04 tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng, cụ thể $302.984.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 4 \text{ tháng} = 19.390.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 322.374.000 đồng thì vợ chồng ông T1, bà Th không đồng ý trả số nợ trên vì thực tế vợ chồng ông T1, bà Th chỉ còn nợ số tiền là 80.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông T1, bà Th không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trịnh Bằng T, buộc vợ chồng ông Đoàn Quang T1 bà Nguyễn Thị Th phải trả cho ông Nguyễn Trịnh Bằng T số tiền gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 21/9/2020 cho đến ngày xét xử.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Th theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 21/9/2020 ông Nguyễn Trịnh Bằng T cho vợ chồng ông T1, bà Th vay số tiền 302.984.000đồng, việc mượn tiền giữa hai bên có viết giấy tay, thời hạn trả tiền là 15 ngày kể từ ngày 21/9/2020. Đến hạn vợ chồng ông T1, bà Th không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T theo thỏa thuận nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21/9/2020 vợ chồng ông Đoàn Quang T1, bà Nguyễn Thị Th có thỏa thuận với ông Nguyễn Trịnh Bằng T để vay số tiền 302.984.000đồng để đáo hạn tại Ngân hàng, giữa hai bên có viết giấy mượn tiền, thời hạn trả là 15 ngày kể từ ngày 21/9/2020, đến hạn vợ chồng ông T1, bà Th không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T theo thỏa thuận nên ông T yêu cầu vợ chồng ông T1, bà Th phải trả cho ông T số tiền gốc 302.984.000đồng tiền lãi là 1.66%/tháng tính từ ngày 21/9/2020 cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận rằng: Ông khởi kiện vợ chồng ông T1, bà Th yêu cầu trả số tiền gốc 302.984.000đ và tiền lãi 1.66%/tháng kể từ ngày 21/9/2020. Tuy nhiên, trong số tiền 302.984.000đ, trong đó tiền gốc 240.000.000đ và 62.984.000đ tiền lãi tính từ tháng 5/2020 đến ngày 21/9/2020. Nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông T1, bà Th, yêu cầu vợ chồng ông T1, bà Th trả cho ông T số tiền gốc là 240.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 21/9/2020 cho đến ngày 09/4/2021 lãi suất là 1.66%/tháng. Xét thấy việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 21/9/2020 đến ngày 09/4/2021 là 06 tháng 18 ngày ($240.000.000đ \times 1.66\%/tháng \times 06 tháng = 23.904.000đ$; $240.000.000đ \times 1.66\% \times 18 ngày/30 ngày = 2.390.400đ$). Tổng tiền lãi là 26.294.400đ. Do vậy cần buộc vợ chồng ông T1 bà Th phải trả cho ông T số tiền

gốc là 240.000.000đ và 26.294.400đ tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn vợ chồng ông T1, bà Th cho rằng: Ngày 16/4/2020 thông qua một người quen biết nên vợ chồng ông, bà có vay ông T số tiền 600.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 4.000đồng/triệu/ngày để đáo hạn Ngân hàng. Đến ngày 21/5/2020 vợ chồng ông bà đã trả cho ông T số tiền gốc là 600.000.000đồng và 5.000.000đồng tiền lãi. Còn lại 80.000.000đồng tiền lãi chưa có trả nên vợ chồng ông bà xin trả dần. Ngày 21/9/2020 ông T đến nhà vợ chồng ông, bà yêu cầu trả tiền lãi còn lại nhưng không có tiền trả, ông T yêu cầu vợ chồng ông, bà ký vào giấy mượn tiền nhưng không ghi số tiền cụ thể để về tính toán lại rồi ghi vào sau. Do tin tưởng nên vợ chồng ông bà đã ký vào giấy mượn tiền ngày 21/9/2020. Tại phiên tòa, vợ chồng ông T1 chỉ đồng ý trả số tiền gốc 80.000.000đ và tiền lãi theo pháp luật quy định. Trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án, vợ chồng ông T1, bà Th không có chứng cứ, chứng minh về việc vay số tiền 600.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng và tiền lãi thỏa thuận 4.000đ/triệu/ngày và 80.000.000đ tiền lãi. Tại giấy mượn số tiền 302.984.000đ ngày 21/9/2020 do vợ chồng ông bà ký và viết ra là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu về hành vi của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông T1, bà Th trả số tiền gốc và tiền lãi là 266.294.400đ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc vợ chồng ông T1, bà Th phải trả cho ông T tiền gốc 240.000.000 và 26.294.400đ tiền lãi là phù hợp.

[6]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trịnh Bằng T. Buộc vợ chồng Đoàn Quang T1, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Nguyễn Trịnh Bằng T số tiền gốc là 240.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) và 26.294.400đ (*Hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*) tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 266.294.400đ (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm*

chín mươi bốn nghìn bốn trăm đồng), vợ chồng ông T1 bà Th tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo (10/4/2021) cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Đoàn Quang T1, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 13.314.700đồng (Mười ba triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trịnh Bằng T số tiền tạm ứng án phí là 8.080.000đ (Tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015030 ngày 11/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2021) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**